

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Nguyễn Bá Huân

Ths. Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam phải đối mặt với những rủi ro lớn, đặc biệt là rủi ro thiên tai, dịch bệnh. Việc phát triển thị trường bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng, khắc phục hậu quả rủi ro, ổn định sản xuất, giảm gánh nặng ngân sách Nhà nước và đảm bảo an sinh xã hội. Thị trường bảo hiểm nông nghiệp ở nước ta được hình thành từ năm 1982 nhưng đến nay vẫn còn non yếu. Chương trình thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013 tại 20 tỉnh thành theo Quyết định số 315/QĐ-TTg của Chính phủ đạt được những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế, tồn tại cần phải khắc phục. Bài viết này phân tích, đánh giá thực trạng phát triển thị trường bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng hoạt động bảo hiểm nông nghiệp của các doanh nghiệp bảo hiểm và sự tham gia của người dân; Thực trạng về chủ trương của Đảng, Nhà nước và khung pháp lý về BHNN; Từ đó làm cơ sở nhằm mở rộng và phát triển thị trường bảo hiểm nông nghiệp trong thời gian tới.

Từ khóa: *Bảo hiểm nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp, thị trường bảo hiểm nông nghiệp.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nông nghiệp, nông thôn và nông dân chiếm vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống chính trị, kinh tế - xã hội nước ta. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp (SXNN) lại phải thường xuyên đối mặt với những rủi ro lớn, đặc biệt là những rủi ro như thiên tai, dịch bệnh có xu hướng tăng cao về tần suất, nghiêm trọng hơn về hậu quả. Ngân sách Nhà nước và các nguồn tài chính khác đã phải chi hàng nghìn tỷ đồng để hỗ trợ người dân sau rủi ro. Tuy nhiên đây mới chỉ mang tính chất khôi phục cuộc sống tối thiểu chứ chưa phải giúp nông dân khôi phục và bù đắp chi phí SXNN. Do vậy, chính sách hỗ trợ mới như cái chăn mỏng, kéo đầu này hờ đầu kia.

Trong tình hình như vậy, có thể thấy bảo hiểm nông nghiệp (BHNN) chính là một cái phao cứu hộ hiệu quả nhất, thiết thực nhất. Hoạt động BHNN ở nước ta được triển khai từ năm 1982 nhưng dịch vụ này phát triển rất chậm, thậm chí có lúc có nguy cơ chệch yếu. Nhằm phát triển thị trường BHNN, Chính phủ ban hành Quyết định số 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm BHNN giai đoạn 2011-2013 tại 20 tỉnh thành. Chương trình thí điểm đã kết thúc và đạt được những kết quả đáng kể. Tuy

nhien, hiện nay đối với một bộ phận khá lớn nông dân, BHNN vẫn còn là vấn đề rất mới mẻ, còn nhiều người dân chưa hề biết đến khái niệm về BHNN. Bài viết này đánh giá tổng hợp thị trường BHNN ở Việt Nam nhằm làm rõ thực trạng phát triển và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thực trạng phát triển thị trường bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng của nghiên cứu: là thực trạng phát triển thị trường bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam trong thời gian qua.

Nội dung nghiên cứu bao gồm: (1) Thực trạng thị trường BHNN ở Việt Nam giai đoạn trước khi thực hiện thí điểm BHNN theo Quyết định 315/QĐ-TTg; (2) Thực trạng thị trường BHNN ở Việt Nam giai đoạn thực hiện thí điểm BHNN theo Quyết định 315/QĐ-TTg; (3) Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển thị trường BHNN ở Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu: sử dụng phương pháp thống kê mô tả, thống kê so sánh, phân tích tổng hợp từ các tài liệu về thực trạng phát triển thị trường BHNN ở nước ta hiện nay, các báo cáo nghiên cứu có liên quan, các số liệu về tình hình hoạt động BHNN của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, Tổng công ty bảo hiểm Bảo

Việt, Công ty TNHH bảo hiểm tổng hợp Groupama Việt Nam và Báo cáo của Bộ tài chính về kết quả thí điểm BHNN giai đoạn 2011-2013 theo Quyết định 315/QĐ-TTg ngày 01/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ, từ đó đưa ra những nhận định, phân tích của tác giả về thực trạng phát triển thị trường BHNN của Việt Nam.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng thị trường bảo hiểm nông nghiệp

BHNN ở Việt Nam bắt đầu được triển khai từ năm 1982 nhưng hiện nay thị trường này đang trong tình trạng “dậm chân tại chỗ”. Trước thực trạng như vậy, nhận thức được tầm quan trọng của BHNN trong việc góp phần ổn định và thúc đẩy SXNN, ngày 01/03/2011 Chính phủ ban hành Quyết định số 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm BHNN giai đoạn 2011-2013 tại 20 tỉnh thành. Như vậy, sự hình thành và phát triển của thị trường BHNN ở Việt Nam có thể chia thành 2 giai đoạn: (1) Trước khi thực hiện thí điểm BHNN theo Quyết định 315/QĐ-TTg và (2) Sau khi thực hiện thí điểm BHNN theo Quyết định 315/QĐ-TTg.

3.1.1. Giai đoạn trước khi thực hiện thí điểm BHNN theo Quyết định 315/QĐ-TTg

Đây là giai đoạn thị trường BHNN ở Việt Nam bắt đầu được hình thành kể từ năm 1982 khi Bảo Việt triển khai thí điểm bảo hiểm cây lúa tại 2 huyện Nam Ninh và Vụ Bản của tỉnh Nam Định với toàn bộ diện tích trồng lúa của 2 huyện trên. Phí bảo hiểm Bảo Việt thu được năm 1982 là 556 nghìn đồng, chi bồi thường là 464 nghìn đồng, tỷ lệ tổn thất lên tới 83,45%. Năm 1983 phí bảo hiểm thu được là 790 nghìn đồng, bồi thường tổn thất năm 1983 là 300 nghìn đồng, tỷ lệ tổn thất giảm còn 37,97% (Phạm Bảo Dương, 2011). Năm 1983 do người dân được mùa, tổn thất SXNN thấp nên phần lớn người nông dân tham gia bảo hiểm không

được bồi thường, khiến họ nghĩ rằng mua BHNN không có lợi, vì vậy năm 1984 việc triển khai BHNN của Bảo Việt phải dừng lại do người dân không tham gia bảo hiểm nữa.

Từ năm 1993 - 1998, Bảo Việt tiếp tục triển khai lại bảo hiểm cây lúa tại 12 tỉnh trên phạm vi cả nước, song kết quả thu được không thành công. Tổng diện tích lúa tham gia bảo hiểm chỉ chiếm 0,73% diện tích lúa cả nước (Phạm Bảo Dương, 2011). Tổng phí bảo hiểm Bảo Việt thu được không đủ để đền bù thiệt hại, đã làm cho Bảo Việt bị thua lỗ nặng, bồi thường thiệt hại so với doanh thu lên tới 110%, với tổng giá trị hơn 5 tỷ đồng (GlobalAgrisk, 2009). Nguyên nhân là do trong 2 năm 1996 và 1997, những thảm họa thiên tai nghiêm trọng xảy ra liên tục với cường độ cao làm 2.069 người thiệt mạng và ước tính thiệt hại hơn 15.728,88 tỷ đồng, riêng nông nghiệp thiệt hại hơn 4.193,14 tỷ đồng (Văn phòng thường trực ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương). Vì vậy, năm 1998 Bảo Việt đã dừng hoạt động BHNN.

Từ năm 2005 đến nay, Bảo Việt lại triển khai bảo hiểm cho 2 đối tượng là cây cao su ở Bình Phước và bò sữa ở Lâm Đồng. Đây là loại cây trồng và vật nuôi rủi ro thấp, tỷ lệ bồi thường thấp nên người dân lại không mặn mà tham gia bảo hiểm. Vì vậy, doanh thu phí bảo hiểm rất thấp, chỉ chiếm từ 0,02% đến 0,05% doanh thu phí toàn tổng công ty.

Trong giai đoạn này, không chỉ có Bảo Việt bị thua lỗ trong hoạt động BHNN mà các doanh nghiệp nước ngoài cũng gặp phải tình trạng này. Công ty TNHH bảo hiểm tổng hợp Groupama Việt Nam, 100% vốn nước ngoài được thành lập bởi Groupama- một trong những công ty bảo hiểm lớn nhất Châu Âu, bắt đầu hoạt động tại Việt Nam từ tháng 12/2001. Groupama đã có hơn 100 năm kinh nghiệm cung cấp BHNN tại Pháp, và đã rất chủ động trong việc khởi động BHNN tại các quốc gia khác như Mê-hi-cô. Mặc dù vậy, Groupama cũng không thành công với BHNN ở Việt Nam do doanh thu thấp, bồi

thường cao, liên tục lỗ. Nguyên nhân là do năm 2003, công ty bắt đầu triển khai hoạt động BHNN ở Việt Nam với dự án bảo hiểm trọn gói 6 loại vật nuôi cho nông dân có độ rủi ro cao là bò thịt, bò sữa, lợn, gà, tôm sú, tôm càng xanh. Tỷ lệ bồi thường trên doanh thu năm 2004 là 192,86%, năm 2005 lên tới 4.426,67%. Tỷ lệ tổn thất cả giai đoạn 2004-2008 trên 220%. Những năm sau đó (2009, 2010), Groupama không còn chú trọng vào BHNN mà đa dạng hóa sang các nghiệp vụ bảo hiểm khác (Phạm Bảo Dương, 2011).

Theo số liệu của Cục Quản lý và Giám sát bảo hiểm (Bộ Tài chính), giai đoạn này tại Việt

Nam có 29 doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động trong lĩnh vực phi nhân thọ và 2 doanh nghiệp tái bảo hiểm nhưng chỉ có 2/29 doanh nghiệp trên triển khai hoạt động BHNN là Tổng công ty bảo hiểm Bảo Việt và Công ty TNHH bảo hiểm tổng hợp Groupama Việt Nam. Năm 2010 có thêm 4 công ty: Công ty cổ phần Bảo Minh, Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam nhưng doanh thu BHNN của các công ty này không đáng kể.

Bảng 01. Doanh thu và bồi thường hoạt động BHNN Việt Nam (2006-2010)

TT	Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008	2009	2010
1	Doanh thu BHNN	0,465	0,734	0,83	1,668	1,7	2,45
	<i>Tr đó:</i> - Công ty Bảo Việt	0,45	0,67	0,819	1,65	1,62	1,8
	- Công ty Groupama VN	0,015	0,064	0,011	0,018	0,08	0,31
	- Công ty khác	0	0	0	0	0	0,34
2	Bồi thường BHNN	0,754	0,145	0,203	0,3454	0,41	0,68
	<i>Tr đó:</i> - Công ty Bảo Việt	0,09	0,09	0,2	0,34	0,37	0,41
	- Công ty Groupama VN	0,664	0,055	0,003	0,0054	0,04	0,27
3	Bồi thường/Doanh thu (%)	162,15	19,75	24,46	20,71	24,12	27,76
	<i>Tr đó:</i> - Công ty Bảo Việt	20,00	13,43	24,42	20,61	22,84	22,78
	- Công ty Groupama VN	4.426,67	85,94	27,27	30,22	50,00	87,10

(Nguồn: Hiệp hội BHVN, Tổng công ty BH Bảo Việt, Công ty TNHH BH tổng hợp Groupama VN)

Về phía Nhà nước, trong giai đoạn này cũng đã có nhiều chủ trương phát triển hoạt động BHNN, cụ thể như: Điều 4, Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 quy định: “Nhà nước có chính sách ưu đãi đối với các nghiệp vụ bảo hiểm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội, đặc biệt là chương trình phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp”. Trong Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 có nêu: “Thí điểm BHNN, bảo đảm mức sống tối thiểu cho cư dân nông thôn”. Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP của Chính phủ đề cập tới việc xây dựng các đề án đến năm 2020, trong đó bao gồm “Đề án thí điểm BHNN”. Tuy nhiên,

tất cả các chủ trương của Nhà nước giai đoạn này mới chỉ dừng lại ở mức chỉ đạo, chưa có chương trình hành động cụ thể, các chính sách liên quan đến BHNN mới chỉ là khuyến khích BHNN tự phát triển mà chưa khẳng định được vai trò hỗ trợ của Nhà nước đối với DNBH và người SXNN, đặc biệt là nông dân nghèo.

3.1.2. Giai đoạn thực hiện thí điểm BHNN theo Quyết định 315/QĐ-TTg

Nhằm phát triển thị trường BHNN ở Việt Nam, ngày 01/03/2011 Chính phủ ban hành Quyết định số 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm BHNN giai đoạn 2011- 2013 tại 20 tỉnh thành. Theo tinh thần Quyết định này, các

chính sách khuyến khích từ Chính phủ khá mạnh mẽ, chưa từng có trước đây, cụ thể:

Đối tượng được bảo hiểm gồm 9 loại sản phẩm: lúa, trâu, bò, lợn, gà, vịt, cá sa, tôm sú, tôm thẻ chân trắng; với rủi ro được bảo hiểm và bồi thường bảo hiểm gồm 7 loại thiên tai và 18 loại dịch bệnh của các đối tượng trên. Nhà nước hỗ trợ 100% phí bảo hiểm cho hộ nông dân, cá nhân nghèo SXNN; 80% phí bảo hiểm cho hộ nông dân, cá nhân cận nghèo; 60% phí bảo hiểm cho hộ nông dân, cá nhân không thuộc diện nghèo, cận nghèo và 20% phí bảo hiểm cho tổ chức SXNN. Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng công ty cổ phần Bảo Minh, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam được lựa chọn là các doanh nghiệp triển khai thí điểm BHNN với mục tiêu không vì lợi nhuận (Chính phủ, 2011).

Tuy nhiên phải đến ngày 01/7/2011 thì chương trình thí điểm mới thực sự bắt đầu sau khi Thông tư 47/TT-BNNPTNT do Bộ NN&PTNT ban hành ngày 29/6/2011 có hướng dẫn cụ thể về: Các loại rủi ro được bảo

hiểm, mức độ thiệt hại được bảo hiểm, quy trình sản xuất đối với các sản phẩm triển khai thí điểm BHNN, quy mô sản xuất được tham gia thí điểm BHNN, thẩm quyền công bố thiên tai, dịch bệnh và trách nhiệm của người tham gia thí điểm bảo hiểm. Đến ngày 17/8/2011, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 121/TT-BTC hướng dẫn đối với doanh nghiệp bảo hiểm, trách nhiệm của các cơ quan hữu quan, chế độ hạch toán doanh thu, chi phí của doanh nghiệp bảo hiểm. Trong đó, đáng chú ý là việc doanh nghiệp bảo hiểm tham gia triển khai theo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận và phải hạch toán tách biệt doanh thu, chi phí với các hoạt động BHNN (nếu có) mà doanh nghiệp đang triển khai. Ngày 27/02/2013, Chính phủ ra Quyết định 358/QĐ-TTg nâng mức hỗ trợ cho hộ nông dân, cá nhân cận nghèo SXNN tham gia thí điểm BHNN từ 80% lên 90% phí bảo hiểm.

Theo báo cáo tổng kết ngày 27/6/2014 của Bộ Tài chính, kết quả thí điểm BHNN giao đoạn 2011-2013 cụ thể như sau:

Bảng 02. Kết quả thí điểm BHNN giai đoạn 2011-2013
(Theo Quyết định 315/QĐ-TTg ngày 01/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Bảo hiểm cây lúa	Bảo hiểm vật nuôi	Bảo hiểm thủy sản	Tổng
1	Số lượng hộ tham gia	Hộ	236.397	60.133	7.487	304.017
1.1	Hộ nghèo	Hộ	180.736	50571	2054	233.361
1.2	Hộ cận nghèo	Hộ	39.768	5876	300	45.944
1.3	Hộ bình thường	Hộ	15.892	3.686	5.133	24.711
1.4	Tổ chức SXNN	Tổ chức	1	0	0	1
2	Doanh thu phí bảo hiểm	Tỷ đ	91,919	83,906	218,175	394,000
3	Bồi thường bảo hiểm	Tỷ đ	19	13,3	669,5	701,8
4	Bồi thường/Doanh thu	%	20,67	15,85	306,86	178,12

(Nguồn: Báo cáo của Bộ tài chính về kết quả thí điểm BHNN giai đoạn 2011-2013)

Qua bảng số liệu trên cho thấy, trong 3 năm triển khai có 304.017 hộ nông dân/tổ chức SXNN tham gia BHNN, trong đó hộ nghèo chiếm 76,76%, hộ cận nghèo chiếm 15,11%, hộ thường và tổ chức SXNN chỉ chiếm 8,13% tổng số hộ tham gia. Như vậy, có thể nhận thấy rằng

do nhận thức của người dân về vai trò của bảo hiểm còn hạn chế, BHNN còn rất mới mẻ đối với nhiều người nên số lượng hộ tham gia rất thấp (đặc biệt là hộ thường khi chỉ được hỗ trợ 60% phí bảo hiểm). Người dân hiện nay họ đơn thuần chỉ tham gia thị trường BHNN khi được

Nhà nước trợ cấp phí bảo hiểm. Vì vậy, để thị trường BHNN phát triển không thể thiếu được vai trò hỗ trợ của Nhà nước.

Tổng doanh thu phí bảo hiểm là 394 tỷ đồng, trong đó doanh thu phí bảo hiểm từ nuôi trồng thủy sản chiếm tỷ lệ cao nhất 55,37%. Tổng số tiền bồi thường đến thời điểm ngày 20/6/2014 là 701,8 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường bảo hiểm là 178,1%. Trong đó, chủ yếu bồi thường bảo hiểm thủy sản với tổng số tiền bồi thường là 669,5 tỷ đồng (tỷ lệ bồi thường là 306%). Như vậy, trong SXNN hiện nay nuôi trồng thủy là lĩnh vực nhiều rủi ro nhất.

Bảng 03. Một số chỉ tiêu so sánh thực trạng thị trường BHNN trước và sau khi thực hiện Quyết định 315/QĐ-TTg

TT	Chỉ tiêu	Doanh thu BHNN bình quân (tỷ đ)	Bồi thường BHNN bình quân (tỷ đ)	Bồi thường/Doanh thu (%)
1	Trước khi thực hiện Quyết định 315/QĐ-TTg	1,308	0,423	32,34
2	Sau khi thực hiện Quyết định 315/QĐ-TTg	131,333	233,933	178,12
3	Mức chênh lệch (2)-(1)	128,401	233,546	
4	Tổng (2)+(1)	134,265	234,321	174,521

(Nguồn: Số liệu tác giả tổng hợp)

Giai đoạn sau, do Quyết định 315/QĐ-TTg ra đời quy định sự hỗ trợ rất lớn từ Nhà nước bao gồm trợ cấp phí bảo hiểm, trợ cấp phí quản lý và trợ cấp phí tái bảo hiểm nên thị trường BHNN phát triển hơn. Số hộ nông dân tham gia lớn hơn nên doanh thu phí bảo hiểm tăng hơn so với trước là 128,401 tỷ đồng. Tuy nhiên, vì Chính phủ quy định những rủi ro được bảo hiểm cho đối tượng vật nuôi, cây trồng và tôm, cá là một số thiên tai, dịch bệnh có tần số xuất hiện và mức độ thiệt hại cao nên tỷ lệ bồi thường/doanh thu giai đoạn này lên tới 178,12%. Như vậy, có thể khẳng định, nếu không có sự hỗ trợ của Nhà nước thì thị trường BHNN của Việt Nam rất khó có thể tồn tại được.

3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển thị trường BHNN ở Việt Nam

3.2.1. Về phía Nhà nước

- Hệ thống văn bản pháp luật về BHNN chưa hoàn chỉnh (Phạm Bảo Dương, 2011).

3.1.3. So sánh thực trạng thị trường BHNN trước và sau khi thực hiện Quyết định 315/QĐ-TTg

Giai đoạn trước khi thực hiện Quyết định 315/QĐ-TTg, số lượng các doanh nghiệp bảo hiểm và số hộ nông dân tham gia thị trường BHNN rất thấp, doanh thu bảo hiểm chỉ bằng 2,23% giai đoạn sau, các doanh nghiệp bảo hiểm triển khai đều thua lỗ. Từ năm 2005-2010, các doanh nghiệp thu hẹp quy mô và đối tượng bảo hiểm, chỉ bảo hiểm những loại cây trồng vật nuôi có tỷ lệ rủi ro thấp nên tỷ lệ bồi thường cả giai đoạn này thấp (32,34%).

Cho đến nay, Việt Nam chưa có luật BHNN, và luật bảo hiểm của Việt Nam cũng chưa có những điều khoản quy định cụ thể về BHNN. Mục tiêu của BHNN là nhằm giúp nông dân ổn định sản xuất chứ không phải nhằm đạt được lợi nhuận tối đa giống như các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ khác. Do vậy, nếu không xây dựng hệ thống văn bản pháp lý cụ thể, riêng biệt cho BHNN thì thị trường này khó có thể tồn tại và phát triển ổn định.

- Trước khi thực hiện Quyết định 315/QĐ-TTg các chủ trương của Nhà nước giai đoạn này mới chỉ dừng lại ở mức chỉ đạo, chưa có cơ chế hỗ trợ cụ thể cho nông dân và doanh nghiệp bảo hiểm như: cơ chế, chính sách bù đắp tài chính cho doanh nghiệp bảo hiểm khi xảy ra rủi ro vượt quá mức độ chi trả của doanh nghiệp, chưa có chính sách hỗ trợ toàn bộ hay một phần phí bảo hiểm gốc cho nông dân.

- Những bất hợp lý trong các văn bản luật về BHNN cần tiếp tục được nghiên cứu và hoàn thiện để triển khai BHNN trên phạm vi cả nước. Các bất hợp lý quy định trong Thông tư 47/2011/TT-BNNPTNT về quy mô chăn nuôi, ngưỡng tỷ lệ thiệt hại được thanh toán bảo hiểm, quá trình ra quyết định công bố dịch của chủ tịch UBND tỉnh và thủ tục chi trả bảo hiểm... là những nội dung cần phải sửa đổi cho phù hợp để tạo thuận lợi cho người dân khi tham gia bảo hiểm. Ngoài ra, việc quy định các doanh nghiệp triển khai thí điểm bảo BHNN không được ghi nhận lãi đối với nghiệp vụ BHNN, trong khi mục tiêu tối thượng của các doanh nghiệp lại chính là lợi nhuận đã không khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm tham gia thị trường BHNN.

- Mỗi lần gặp thiên tai, dịch bệnh, Nhà nước thường trích những khoản tiền và lương thực rất lớn để cứu trợ người dân và nếu mất khả năng chi trả cho những khoản nợ của mình họ lại được Nhà nước khoan nợ, xoá nợ. Việc làm này vô hình chung đã tạo nên tính ỷ lại của người nông dân vào Nhà nước, không tạo thành thói quen mua bảo hiểm. Thay bằng việc trợ cấp sau thiên tai, dịch bệnh Nhà nước cần có cơ chế hỗ trợ tài chính, cụ thể là phí bảo hiểm cho người nông dân như khi thực hiện thí điểm.

- Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và chính sách BHNN còn hạn chế, đến nay vẫn còn một bộ phận rất lớn nông dân hiểu biết một cách mơ hồ về chủ trương, chính sách BHNN của Nhà nước.

- Sản xuất nông nghiệp diễn ra trên phạm vi rộng và phụ thuộc nhiều vào đặc điểm tự nhiên của vùng miền, tuy nhiên hiện nay Nhà nước chưa chú trọng đầu tư vào công tác điều tra, nghiên cứu, dự báo để xây dựng chính sách BHNN thống nhất, đồng bộ và phù hợp với từng địa phương.

3.2.2. Về phía doanh nghiệp bảo hiểm

- Hiện nay, sản phẩm BHNN mà các doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp chưa phù hợp với thực tế ngành SXNN nước ta. Các doanh

ng nghiệp bảo hiểm hiện nay chưa có sản phẩm chuẩn, cụ thể cho một loại đối tượng bảo hiểm, cho một hoặc một nhóm rủi ro nhất định và được triển khai trên quy mô rộng (Phạm Bảo Dương, 2011).

- Công tác khai thác nghiệp vụ bảo hiểm gặp nhiều khó khăn do hoạt động SXNN của nông dân manh mún, phân tán trên địa bàn rộng, lực lượng cán bộ của các doanh nghiệp bảo hiểm mỏng, trình độ chuyên môn về BHNN và SXNN còn rất hạn chế, chi phí khai thác nghiệp vụ lớn. Việc xác định giá trị thiệt hại khi có rủi ro xảy ra không dễ dàng, dễ bị trục lợi bảo hiểm.

- Lợi nhuận thu được từ hoạt động BHNN thấp (thậm chí lỗ) đã không khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm tham gia thị trường này. Ngoài ra, năng lực tài chính của các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam còn hạn hẹp, trong khi thị trường bảo hiểm Việt Nam còn nhiều khoảng trống, có nhiều lĩnh vực bảo hiểm hấp dẫn hơn để các doanh nghiệp bảo hiểm mở rộng kinh doanh.

- Hiện nay, chưa có phương án và cơ chế hợp tác, liên kết giữa các doanh nghiệp bảo hiểm với chính quyền địa phương và các ngành hữu quan trong việc triển khai BHNN, thiếu sự hỗ trợ từ hoạt động tái bảo hiểm cho BHNN.

3.2.3. Về phía người sản xuất

- Người nông dân chưa có thói quen và nhận thức đầy đủ về BHNN: Thói quen sản xuất phó thác cho tự nhiên đã thấm sâu vào suy nghĩ của người nông dân cả nghìn năm nay khiến người nông dân không chủ động tham gia bảo hiểm. Trong khi đó, doanh nghiệp bảo hiểm lại chưa làm tốt công tác tuyên truyền, quảng cáo về lợi ích của việc tham gia bảo hiểm, thậm chí khi triển khai thí điểm công tác tuyên truyền vẫn còn nhiều hạn chế.

- Thu nhập của nông dân còn thấp nên khả năng tài chính để tham gia BHNN của người nông dân bị hạn chế. Do đó, người nông dân không tham gia hoặc tham gia ít nên số tiền thu được từ bán bảo hiểm cho người dân của các

doanh nghiệp bảo hiểm rất thấp, làm cho doanh nghiệp không mặn mà với thị trường này.

- Vẫn còn hiện tượng rủi ro đạo đức xảy ra khi những cá nhân tham gia bảo hiểm thay đổi hành vi của mình theo hướng tăng khả năng xảy ra các thiệt hại hơn hoặc làm thiệt hại trở nên trầm trọng hơn.

- Người nông dân thường chỉ mua bảo hiểm cho các vật nuôi, cây trồng của họ có nguy cơ rủi ro xảy ra cao, còn trong trường hợp nguy cơ rủi ro xảy ra thấp, họ không tham gia bảo hiểm. Điều này dẫn tới sự bất lợi cho doanh nghiệp bảo hiểm, không đảm bảo theo nguyên tắc số đông người tham gia bảo hiểm bù đắp cho số ít người tham gia bảo hiểm gặp rủi ro.

- Sản xuất manh mún, kỹ thuật chăm sóc, sản xuất của người dân là tự phát, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, chưa có quy trình chuẩn nên việc kiểm soát, đánh giá nguyên nhân gây ra rủi ro rất khó khăn.

IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả nghiên cứu về thực trạng thị trường BHNN có thể kết luận rằng: Việc phát triển thị trường BHNN ở Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng, giúp cho người làm nông nghiệp khắc phục các hậu quả rủi ro, ổn định sản xuất. Hoạt động BHNN ở Việt Nam tuy đã hình thành từ năm 1982 nhưng thị trường BHNN ở Việt Nam đến nay vẫn còn non yếu. Tình trạng này do nhiều nhân tố ảnh hưởng trong đó có các nhân tố thuộc về doanh nghiệp bảo hiểm; các nhân tố thuộc về người sản xuất và từ phía Nhà nước.

Để mở rộng và phát triển thị trường BHNN ở Việt Nam thì cần phải xây dựng và hoàn thiện chính sách và khuôn khổ pháp lý đối với hoạt động BHNN bao gồm: hỗ trợ tài chính cho người dân và các doanh nghiệp tham gia BHNN. Khi người dân đã quen với việc mua bảo hiểm, biết rõ vai trò và lợi ích của

BHNN trong việc hạn chế rủi ro, ổn định sản xuất Chính phủ sẽ có lộ trình cắt giảm dần mức hỗ trợ này để giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước. Đối với các hộ nghèo và cận nghèo Nhà nước chỉ nên hỗ trợ phí bảo hiểm gốc trong khoảng 5 năm. Các đối tượng khác nên hỗ trợ 2 năm đầu kể từ khi tham gia BHNN. Nhà nước nhận tái bảo hiểm cho doanh nghiệp kinh doanh BHNN. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo tập huấn, khuyến khích người dân tham gia các tổ chức hiệp hội, đoàn thể để nâng cao nhận thức cho người dân về rủi ro trong SXNN, lợi ích của BHNN, các chính sách của Nhà nước về BHNN và khuyến khích họ tham gia bảo hiểm; Nâng cao vai trò trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương đối với vấn đề BHNN. Nghiên cứu các mức độ rủi ro cho từng đối tượng, từng vùng miền để có chính sách phát triển bảo hiểm phù hợp, phải tiến hành từ dễ đến khó. Sau đó sẽ là áp dụng sự đa dạng hoá các sản phẩm và hình thức bảo hiểm phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2014). *Báo cáo kết quả thực hiện thi điểm BHNN theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ.*
2. Chính phủ (2011). *Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/03/2011 về việc thực hiện thi điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013.*
3. Phạm Bảo Dương (2011). *Nghiên cứu chính sách bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam, Đề tài Bộ, Viện chính sách và phát triển nông nghiệp nông thôn.*
4. GlobalAgrisk (2009). *"Tập I: Những thách thức trong thị trường bảo hiểm nông nghiệp", Phát triển bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam: Bốn cảm nang đào tạo, AgroInfo.* Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Văn phòng thường trực ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương, Tổng hợp thiệt hại gây ra do các loại thiên tai ở Việt Nam, <http://www.ccfsc.gov.vn/KW6F2B34/CatId/G986H8324D/Tong-hop-thiet-hai.aspx>.

SITUATION OF DEVELOPMENT OF AGRICULTURAL INSURANCE MARKET IN VIETNAM

Nguyen Ba Huan

SUMMARY

Agricultural production in Vietnam has to face a lot of significant risks, particularly the risks of natural disasters and epidemics. The development of agricultural insurance market in Vietnam plays a very important role which helps to overcome the risks, stable production, reduce the burden on the State budget and ensure social security. Agricultural insurance market in our country was formed in 1982 but now it is still weak. The pilot of agricultural insurance in the period 2011-2013 in 20 provinces under Decision No. 315 / QĐ-TTg Government has gained significant achievements. However, there are still some shortcomings and limitations that need to be overcome. This article with the aims of analyzing, assessing the current situation of development of agricultural insurance market in Vietnam, including current situation of the agricultural insurance of insurance companies as suppliers and participation of buyers; situation of the Party's guidelines, the State and the legal framework for agricultural insurance. Basing on that, the agricultural insurance market will be expanded and developed in the near future.

Keywords: *Agricultural insurance, agricultural insurance market, agricultural production.*

Người phản biện : TS. Trần Thị Thu Hà
Ngày nhận bài : 16/9/2014
Ngày phản biện : 07/10/2014
Ngày quyết định đăng : 20/10/2014